

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: Công Ty TNHH AL Naboodah Quốc Tế Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: 63 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại phương tiện: xe mô tô 2 bánh/~~xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác:.....⁽¹⁾
- 1.4. Nhãn hiệu: KTM
- 1.5. Tên thương mại: KTM 1290 SUPER DUKE GT
- 1.6. Mã kiểu loại (số loại):
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 22KXM/282629
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 214KP0044-00, ngày: 10.09.2021

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 231 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 459 kg
- 2.3. Động cơ
- 2.3.1. Kiểu động cơ: 615. Loại động cơ: 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
- 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 1301 cm³
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 130/9500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~chế hòa khí~~/phun nhiên liệu/~~khác~~:.....⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
- 2.5.1. Điều khiển: cơ khí/~~tự động~~⁽¹⁾
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2.917/ 2.133 / 1.667/ 1.350/ 1.125/ 0.963
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2.235



2.7. Lớp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 120/70 ZR17, áp suất lốp: 290 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 190/55 ZR17, áp suất lốp: 290 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 260 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/~~

EU 168/2013*2019/129.....⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 5,72 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....

Tp HCM, ngày 04 tháng 07 năm 2022
Công ty TNHH Al Naboodah Quốc Tế Việt Nam



Trưởng Phòng Xuất Nhập Khẩu
Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm